

Là những huyết cơ bản, phối hợp với huyết khác để chữa nhiều bệnh (xin xem các bài huyết của những bệnh cụ thể).

Là những huyết dùng trong các khóa cơ bản.

27. NGŨ ĐOÁN : Ngửa bàn tay, từ lằn cổ tay lên trên 4 khoát ngón tay, lấy ra phía trong đường giữa 1 khoát.

*Công năng* : Chữa đòn rã ứ đọng, dễ gây nôn.

28. TAM TINH : 1, 2, 3, 4, 5 (hồi sinh)

Ngửa bàn tay, các huyết điểm trên đốt ngón tay mặt bụng ngón tay.

*Công năng* : Các huyết cơ bản để phối hợp với các huyết riêng biệt chữa các bệnh.

29. TAM TUYẾN : Bờ ngoài (mặt ngoài cùng) của đốt 3 ngón trỏ.

*Chữa* : Mất ngủ.

30. THẾ DƯ : Mu tay điểm chiếu (hoặc đối xứng) của điểm : giữa mô cái, nằm sát trên đốt bàn tay của ngón cái.

*Công năng* : Chữa liệt chi dưới.

31. THU Ô : Lõm cầu ngoài xương cánh tay.

*Công năng* : Rút lưỡi, (không lè lưỡi được).

32. THỦ MẠNH : Tay phải, nằm bờ trước trong xương cánh tay, cách nếp đỉnh nách trước 2 khoát.

*Công năng* : Cầm không đếm được 7.

33. TRẠCH ĐOÁN : Tay trái lõm cầu trong xương cánh tay.

*Công năng* : Chữa tay không duỗi được.

34. TUYẾT NGƯ : Bờ trong (mặt ngoài cùng) đốt 3 ngón út.

*Chữa* : Mất ngủ.

35. TỨ THỂ : Vùng giữa cơ tam đầu cánh tay.

*Chữa* : Cầm, động kinh.

36. VỊ TRƯỜNG ĐIỂM : Gan lòng bàn tay, điểm giữa rãnh mô ngón cái và cùi tay.

*Chữa* : Dạ dày, ruột đầy hơi.